

Bản án số: 15/2024/HS-PT
Ngày 06-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười;

Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Huy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Bảo D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Bảo D**, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1987 tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị M, không rõ họ tên cha; vợ, con: chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 02/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” theo Bản án số 12/2010/HSST ngày 02/06/2010, chấp hành án tại Trại giam K – Bộ C5, đến ngày 30/01/2016, đã chấp hành xong án phạt tù, chưa xóa án tích.

Nhân thân:

Ngày 11/3/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo Bản án số 13/2019/HS-PT (vụ án này D bị tạm giữ từ ngày 14/5/2018 đến ngày 22/5/2018);

Ngày 02/02/2007, bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục theo Quyết định số 287/QĐ-UBND (NC) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q, với thời gian 24 tháng, đến ngày 05/02/2009 chấp hành xong.

Trong vụ án này, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2018 đến ngày 22/5/2020 hủy bỏ biện pháp tạm giam. Ngày 22/5/2020, Nguyễn Bảo D được đưa đi chấp hành án tại Trại giam K – Bộ C5 theo Bản án số 13/2019/HS-PT ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo được trích xuất, dẫn giải đến Nhà tạm giữ - Công an thành phố Q, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:** Luật sư Trần Anh T - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Bùi Nguyên L (tên gọi khác: T1), sinh năm 1988;

Nơi đăng ký thường trú: Tổ A, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ chỗ ở: Số E đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ liên hệ: Số A đường Q, tổ G, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chị Dương Kim H, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Anh Võ Tuấn H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đ, thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Anh Nguyễn Quang T2 (tên gọi khác: C), sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Kim L1, ông Nguyễn Hữu D1, ông Trần T3, anh Nguyễn Xuân T4, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Mậu T5, ông Ngô C1, bà Trần Thị Minh H2, bà Trần Thị B, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Xuân T6, ông Nguyễn Xuân Ý, ông Ngô Đại P; ông Lê Hồng N và ông Nguyễn Phi H3 (17 người).

Tất cả những người có quyền, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 03/8/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Q phối hợp với Công an phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi kiểm tra tại phòng trọ số A, thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 ở tổ A, phường C, thành phố Q (nay là tổ F, phường C, thành phố Q) phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Bảo D và Dương Kim H, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đang có hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tang vật thu giữ trong phòng trọ, gồm:

1/ 01 (Một) loa nhựa, màu xám (đã hỏng), kích thước (18 x 12 x 7) cm, bên trong chứa:

+ 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước (11 x 7) cm, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 1);

+ 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước (8 x 5) cm, bên trong chứa nhiều viên nén màu xanh (do nhiều viên bị vỡ nên không xác định được số lượng cụ thể) (phong bì số 2).

+ 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước (14,5 x 5,9) cm, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 3);

2/ 01 (Một) hộp gỗ có kích thước (30 x 18 x 12,5) cm, bên trong chứa:

+ 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước (7 x 4) cm, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 4);

+ 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước (7 x 4) cm, bên trong chứa 04 (Bốn) viên nén màu xanh (phong bì số 5);

+ 01 (Một) túi nylon màu trắng, kích thước (7 x 4) cm, bên trong có 01 túi nylon màu trắng kích thước (3 x 2,5) cm, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng (phong bì số 6);

+ Tiền ngân hàng N1: 7.000.000 đồng, trong đó; Thu giữ trong hộp gỗ số tiền 4.800.000 đồng, gồm: 16 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và 23 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng; thu giữ từ trong ví của Nguyễn Bảo D số tiền 2.200.000 đồng, gồm: 11 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng.

3/ 01 (Một) cân tiểu li bằng kim loại, kích thước (12 x 10 x 2) cm;

4/ 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng màu xám, nhãn hiệu Iphone (*Không kiểm tra chất lượng bên trong*);

5/ 01 (Một) cây dao kim loại, cán màu đen dài 56cm, lưỡi kim loại dài 50cm và rộng 7cm;

6/ 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 59P1 – 557.89, nhãn hiệu Suzuki, màu đỏ - đen, số máy: F124-140111, số khung: PMSRU-120U2YA4011 (*không kiểm tra chất lượng bên trong*);

7/ 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 76G1 – 276.89, nhãn hiệu Suzuki, màu trắng – xanh, số máy: E432VN179387, số khung: RLSBE49L050179387 (*không kiểm tra chất lượng bên trong*) (xe của Bùi Nguyên L);

8/ 01 (Một) điện thoại di động N2 màu đen (*không kiểm tra chất lượng bên trong*);

9/ 01 (Một) ba lô màu đen, bên trong ba lô có: 01 (Một) máy tính hiệu DELL, 01 (Một) camera hiệu AIHUA, 01 đầu ghi camera và 02 (Hai) đoạn dây điện màu đen;

10/ 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Quang T2;

11/ 01 (Một) giấy đăng ký xe mô tô mang biển kiểm soát 59P1 – 557.89;

12/ 01 (Một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bảo D;

13/ 01 (Một) túi xách màu đen của Dương Kim H, bên trong có:

+ 01 (Một) tờ tiền Ngân hàng N1 mệnh giá 2000 VNĐ được gấp lại và bỏ trong 01 túi nylon màu trắng, bên trong tờ tiền có chứa những hạt tinh thể màu trắng (mà H khai nhận là ma túy dạng “Khay”) (phong bì số 7);

+ 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Dương Kim H;

+ 01 (Một) điện thoại di động Iphone màu đen (*không kiểm tra chất lượng bên trong*).

Quá trình điều tra xác định: Vào ngày 04/7/2018, Võ Tuấn H1, sinh năm 1987; nơi thường trú: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi thuê phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 ở tổ A, phường C, thành phố Q (nay là tổ F, phường C, thành phố Q) để ở và đã trả số tiền thuê của tháng 07/2018 là 600.000 đồng, khi nhận phòng thì trong phòng chỉ có 01 cây dao và không có tài sản nào khác, H1 mang theo gối, chăn, nệm, quạt đến phòng để ở. Sau khi thuê phòng trọ, H1 có rủ Nguyễn Bảo D đến phòng trọ chơi 02 lần, lần đầu tiên D đến chơi cùng với Bùi Nguyên L (thường gọi là “Tặc”), sau đó 01 lần D đến cùng một nhóm bạn (*không rõ nhân thân lai lịch*), những lần này D và bạn của D không mang đến tài sản gì. Sau khi ở được khoảng 05 đến 07 ngày thì H1 đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm việc, trước khi đi H1 gọi điện cho Nguyễn Bảo D và nói D muốn đến ở thì ở, nếu không thì để hết tháng chủ nhà lấy lại phòng trọ, đồng thời Hoàn chỉ nơi cất chìa khóa phòng trọ số 01 cho D. Hoàn đi thành phố Hồ Chí Minh và không quay lại phòng trọ số 01 nữa.

Sau đó, Nguyễn Bảo D đến phòng trọ số 01 ở và có rủ Dương Kim H (là bạn gái D), Nguyễn Quang T2 (tên thường gọi là “Cồ”), sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu dân cư S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; Bùi Nguyên L (thường gọi là “Tặc”), sinh năm 1988; nơi cư trú: Số A Q, tổ G phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đến phòng trọ số 01 chơi. Bùi Nguyên L (tên thường gọi là T1) gửi xe mô tô biển kiểm soát 76G1 – 276.89 tại phòng trọ số 01 nhờ Nguyễn Bảo D sửa giúp, còn T2 chỉ đến chơi và sử dụng ma túy cùng D tại phòng trọ số 01, không đem tài sản gì khác đến phòng trọ.

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 02/8/2018, Dương Kim H nhờ Nguyễn Bảo D chở ra huyện B để lấy tiền nợ. Sau khi ra huyện B, do không lấy được tiền nên H nói đi kiếm chỗ ngủ thì D chở H về phòng trọ số 01, về đến nơi D để xe ngoài đường rồi đi đến phía trước phòng trọ số 01 còn H ngồi ngoài xe và bấm điện thoại. Một lúc sau, D gọi H vào phòng rồi dắt xe vào, đóng cửa. Đến sáng ngày 03/8/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Q phối hợp với Công an phường C, thành phố Q kiểm tra tại phòng trọ số 1 phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Bảo D về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và Nguyễn Bảo D có ký xác nhận với tư cách người bị bắt (Bút lục 40 – 43).

Ngày 04/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 104/CSĐT trưng cầu Phòng K1 (PC54 – Nay là phòng PC09) Công an tỉnh Q giám định chất ma túy và khối lượng ma túy thu giữ tại phòng trọ số 01. Ngày 07/8/2018, Phòng K1 - Công an tỉnh Q có kết luận số: 763/KLGD-PC54 (Bút lục 22-23), kết luận:

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ nhất (số A) có khối lượng là 2,690 gam; có Ketamine; hàm lượng Ketamine là 57%. Do đó, khối lượng Ketamine tinh chất có trong 2,690 gam mẫu gửi giám định là: 1,533gam.

- *Mẫu viên nén màu xanh bên trong phong bì thứ hai (số B) có khối lượng là 19,560 gam, không có thành phần chất ma túy hay tiền chất.*

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ ba (số C) có khối lượng là 51,027 gam; có Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine là 72,3%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 51,027 gam mẫu gửi giám định là: 36,892gam.

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ bốn (số D) có khối lượng là 1,388 gam; có Methamphetamine; hàm lượng Methamphetamine là 72,1%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 1,388 gam mẫu gửi giám định là: 1,00gam.

- *Mẫu viên nén màu xanh bên trong phong bì thứ năm (số E) có khối lượng là 1,575 gam, không có thành phần chất ma túy hay tiền chất.*

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ sáu (số F) có khối lượng là 0,778 gam; có Ketamine; hàm lượng Ketamine là 56,3%. Do đó, khối lượng Ketamine tinh chất có trong 0,778 gam mẫu gửi giám định là: 0,438gam.

- *Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì thứ bảy (số G) có khối lượng là 0,107 gam; không có thành phần chất ma túy hay tiền chất.*

Tại Bản Kết luận giám định số: 763/KLGD-PC54 của Phòng K1 - Công an tỉnh Q thì tổng khối lượng Methamphetamine là: 52,415 gam và Ketamine là: 3,468 gam. Theo quy định tại mục 4, Điều 5 Nghị định số: 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của Bộ luật hình sự năm 2015 thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của M2 và Ketamine thu giữ tại phòng trọ là 53,571%. Do đó, tổng khối lượng Methamphetamine và Ketamine trong trường hợp này thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 07/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 107/CSĐT trưng cầu giám định dữ liệu di động đối với 03 điện thoại di động thu giữ tại phòng trọ số 01. Tại Kết luận giám định số 771/KLGD-PC54 ngày 12/8/2018, Phòng K1 - Công an tỉnh Q kết luận:

1. Trong máy điện thoại di động Iphone, màu xám, model A1687. Bên trong thân máy có gắn thẻ sim Mobifone, dãy số 1171133075987 có: 01 cuộc gọi đi trên

thẻ sim Mobifone, dãy số 1171133075987, số thuê bao của thẻ sim là 0901124352. Không trích xuất được dữ liệu trong bộ nhớ máy, do không có mật khẩu mở máy (Bút lục số 26).

2. Trong máy điện thoại di động Iphone, màu đen, model A1784. Bên trong thân máy có gắn thẻ sim V dãy số 8984048008828282919 có: 20 cuộc gọi đến, 44 cuộc gọi đi, 77 cuộc gọi nhớ, 355 tin nhắn đến, 203 tin nhắn đi trong bộ nhớ máy; 11 tin nhắn đến, 13 tin nhắn đi bên trong thẻ sim V, dãy số 8984048008828282919, số thuê bao của thẻ sim: 0965456309 (Bút lục số 26-34).

3. Trong máy điện thoại di động Nokia, màu đen, model RM-1133. Bên trong thân máy có gắn thẻ sim Mobifone, dãy số 884011710330225030T và thẻ sim Vinaphone, dãy số 89840200021577975474 có: 01 cuộc gọi đi, 10 cuộc gọi nhớ; 26 tin nhắn đến, 19 tin nhắn đi trong bộ nhớ máy; 05 tin nhắn đến, 01 tin nhắn đi bên trong thẻ sim Mobifone, dãy số 884011710330225030T, số thuê bao của thẻ sim: 0903556650. *Trong các tin nhắn của điện thoại này có nội dung liên quan đến việc mua bán ma túy* (Bút lục số 35-36).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bảo D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: điểm h khoản 3 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bảo D 12 (Mười hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 06 (S) năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” đối với bị cáo Nguyễn Bảo D phải chấp hành theo quyết định tại Bản án số 13/2019/HS-PT ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo Nguyễn Bảo D phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2018 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2018 đến ngày 22/5/2018.

Ngoài ra, còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/7/2024, bị cáo Nguyễn Bảo D kháng cáo kêu oan cho rằng, bị cáo không phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo;

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Bảo D thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Bảo D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án số 13/2019/HS-PT ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Bị cáo không kháng cáo về phần hình phạt và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án nên không xem xét giải quyết.

- *Lời bào chữa của Luật sư Trần Anh T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bảo D:*

Áp dụng khoản 1 Điều 358 và Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy án sơ thẩm và tuyên bố Nguyễn Bảo D không phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và trả tự do cho Nguyễn Bảo D tại phiên tòa, bởi vì:

+ Hồ sơ tồn tại quá nhiều mâu thuẫn, không có chứng cứ trực tiếp chứng minh số ma túy thu giữ vào ngày 03/8/2018 tại phòng trọ số 01 là của Nguyễn Bảo D.

+ Theo tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án thì, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Q không chứng minh được Nguyễn Bảo D là người đã thuê, quản lý và ở tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 ở tổ A (Nay là tổ F), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Q vi phạm tố tụng, điều này đã được Tòa án cấp phúc thẩm lần thứ nhất (xử ngày 31/5/2021) đã nêu ra và hủy án sơ thẩm để điều tra lại nhưng sau khi chuyển hồ sơ về để điều tra lại thì Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa điều tra làm rõ được các vấn đề đã yêu cầu điều tra lại.

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đề nghị thu thập bổ sung tài liệu chứng minh hộp gỗ và cái loa có chứa ma túy là của bị cáo Nguyễn Bảo D nhưng Viện kiểm sát không thể làm rõ được. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận đưa ra xét xử vụ án và tuyên án Nguyễn Bảo D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là chưa khách quan, toàn diện, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị cáo.

+ Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng chứng cứ gián tiếp là những lời khai không có cơ sở, có nhiều mâu thuẫn của bà Nguyễn Thị M1 (Chủ nhà trọ), ông Nguyễn Xuân T4, ông Nguyễn Mậu T5, ông Bùi Nguyên L (tên gọi khác: T1), bà Dương Kim H, ông Võ Tuấn H1; ông Nguyễn Quang T2 (tên gọi khác: C) để kết luận bị cáo D có là người thuê và quản lý phòng trọ số 01; Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Q không chứng minh ai là người đem hộp gỗ và chiếc loa có chứa ma túy vào phòng trọ thì ma túy là của Nguyễn Bảo D là không khách quan, toàn diện, chưa thuyết phục.

+ Tối ngày 02/8/2018, có thanh niên đột nhập vào phòng trọ số 01 rồi lạng lẽ đi ra. Sáng hôm sau thì Công an đến kiểm tra thì phát hiện có ma túy. Điều tra không lấy dấu vân tay trên cái loa thu giữ; Cần điều tra làm rõ căn cứ nào khám xét tài sản của người khác để kiểm tra ma túy; Cần làm rõ cơ quan điều tra có cố ý gán

ghép ma túy cho D hay không; Cơ quan điều tra ép D ký vào biên bản bắt người quả tang, có dấu hiệu hướng cho người làm chứng khai báo bất lợi cho D và sửa biên bản nhận dạng của ông Nguyễn Mậu T5 để cho đúng ảnh của D.

+ Đối với lời khai của Nguyễn Xuân T4 gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm thì Luật sư chỉ hướng dẫn cho anh T4 viết đúng sự thật; Luật sư và chị Nguyễn Thị L2 (chị ruột của bị cáo) không can thiệp hay chỉ dẫn viết đơn trình bày theo ý của Luật sư hay chị L2; Lời khai ban đầu của anh Nguyễn Xuân T4 là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, khách quan nhưng chưa điều tra làm rõ Luật sư, người tiến hành điều tra vụ án và lời khai gian dối của bà Nguyễn Thị M1 (Chủ nhà trọ), ông Nguyễn Xuân T4, bà Dương Kim H có hành vi vi phạm hoạt động tư pháp hay không nhằm tránh bỏ lọt tội phạm.

+ Đối với cái loa mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ vào ngày 03/8/2018 thì kết quả điều tra có nhiều kích thước khác nhau, cụ thể: Tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Q lập ngày 03/8/2018 (Bút lục số 40-43) và Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 03/8/2018 (Bút lục 164) thu giữ vật chứng: “01 (một) chiếc loa nhựa màu xám, kích thước (18 x 18 x 7) cm”; Tại Biên bản làm việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q lập ngày 12/5/2022 (bút lục 771-773), thì xác định: “Một chiếc loa có kích thước (18 x 12 x 7)” và tại biên bản làm việc kiểm tra lại vật chứng do Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân cấp phúc thẩm và các cơ quan tiến hành tố tụng của thành phố Q kiểm tra lại vật chứng thì chiếc loa có kích thước (18 x 12 x 7) cm. Như vậy, từ kết quả điều tra xác định kích thước chiếc loa nêu trên thì vụ án có 02 chiếc loa nhưng chưa được Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Bảo D: Bị cáo không phạm tội, vì phòng trọ số 01 không phải do bị cáo thuê, ma túy trong phòng trọ không phải của bị cáo nên mong Hội đồng xét xử giải oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Nguyên L, bà Dương Kim H, ông Võ Tuấn H1, ông Nguyễn Quang T2; người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M1, bà Nguyễn Thị Kim L1, ông Nguyễn Hữu D1, ông Trần T3, anh Nguyễn Xuân T4, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Mậu T5, ông Ngô C1, bà Trần Thị Minh H2, bà Trần Thị B, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Xuân T6, ông Nguyễn Xuân Ý, ông Ngô Đại P, ông Lê Hồng N, ông Nguyễn Phi H3 đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bảo D:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Bảo D cho rằng, sổ ma túy thu giữ tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 ở tổ A (Nay là tổ F), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi không phải của bị cáo nên bị cáo không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/02/2019 (Bút lục số 217, 218) và ngày 27/5/2019 (Bút lục 309) **Võ Tuấn H1** khai: “Tôi thuê phòng trọ số 01 vào ngày 04/7/2018, sau khi thuê phòng trọ ngày 04/7/2018 thì gặp Nguyễn Bảo D và rủ D đến ở cho vui, ...tôi và Nguyễn Bảo D ở chung phòng trọ số 01 được 01 tuần (Khoảng 05 – 07 ngày) thì tôi không ở nữa và chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, còn phòng trọ thì tôi để cho D ở... khi ở thì chúng tôi có 01 chìa khóa phòng, chìa khóa này chúng tôi để ở chỗ cửa sổ, nếu ai về trước thì lấy chìa khóa mở cửa vào phòng; trước khi vào Thành phố Hồ Chí Minh thì tôi có gọi điện thoại cho Nguyễn Bảo D nói là tôi chuẩn bị đi vào S làm ăn chìa khóa phòng trọ để ở cửa sổ nếu D ở thì tới lấy chìa khóa vào ở”, D trả lời “ừ”. Sau đó, tôi và D không còn gặp nhau nữa. Khi thuê phòng trọ số 01 thì trong phòng trọ có 01 cây dao treo trên tường. tôi có mang đến phòng trọ 01 chiếc chiếu, 02 cái gối, 01 cái mền và 01 cái quạt, ngoài ra không mang theo tài sản nào khác.”

[2.2] Lời khai này của Võ Tuấn H1 phù hợp với lời khai của **bị cáo Nguyễn Bảo D tại phiên tòa ngày 08/12/2020** (Bút lục số 656-670) như sau: “Võ Tuấn H1 chỉ quen biết với D và chỉ chìa khóa cho D, ngoài ra những người như T2, Luật, H3, R, C3 quen biết D chứ không quen biết H1 và thừa nhận D đến ở và sinh hoạt tại phòng trọ số 01 của bà M1 và thường sửa xe trước nhà.”

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2018 (Bút lục 51, 52) **bị cáo Nguyễn Bảo D** khai: “Tôi bắt đầu ở phòng trọ này được khoảng gần nửa tháng (tính cho đến ngày hôm nay), nhưng tôi chỉ ở một mình, còn H mới ra ở với tôi từ tối hôm qua (tức tối ngày 02/8/2018). Việc tôi ở nửa tháng nay thì tôi không thấy H1 về phòng trọ này ở”.

[2.3] Lời khai của Nguyễn Bảo D và anh Võ Tuấn H1 cũng phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị M1 thể hiện tại Biên bản ghi lời khai ngày 21/02/2019 (Bút lục 219, 220) và ngày 27/5/2019 (Bút lục 310a, 310b), **bà Nguyễn Thị M1** khai: “Nguyên nhân trong cuốn sổ theo dõi điện nước, tiền phòng trọ thì tôi ghi tên D là người thuê phòng trọ số 01 là vì: Khi người thanh niên tên H1 đến thuê phòng trọ số 01 vào đầu tháng 7/2018 và có thanh toán cho tôi số tiền 600.000 đồng nhưng lúc này tôi chưa ghi vào sổ theo dõi. Khoảng hơn 10 ngày sau thì tôi đi kiểm tra để ghi vào sổ theo dõi. Sau đó, tôi chỉ thấy D ở phòng trọ số 01 này, còn người thanh niên tên H1 đã chuyển đi đâu tôi không rõ. **Khi cho thuê phòng trọ số 01 thì trong phòng trọ không có tài sản gì chỉ có đồng hồ đo điện nước**”.

[2.4] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/12/2019 (Bút lục 397, 398), **ông Nguyễn Quang T2** khai: “Tôi biết D có phòng trọ ở đường V là vào giữa tháng 7 năm 2018, khi D nói cho tôi và rủ tôi đến phòng trọ của Dương C4 thì tôi đến phòng trọ này chơi được khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần đến tôi chỉ thấy có D và

bạn gái của D, ngoài ra không còn ai khác ở trong phòng trọ này cả. Khi đến phòng trọ của D thì tôi không biết chìa khóa phòng D để ở đâu vì mỗi khi đến đều có D và bạn gái ở trong phòng. Tôi có biết D sử dụng ma túy vì D và tôi đã nhiều lần sử dụng ma túy chung với nhau”.

Ngoài ra, tại Biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2022 (Bút lục 792, 793) **ông Nguyễn Quang T2 khai**: “Khi đến phòng trọ số 01 chơi do Nguyễn Bảo D rủ đến, có 01 buổi tôi không nhớ ngày, tháng, lúc đó tôi và D ở trong phòng thì D nói D hết tiền, cho D mượn tiền trả cho họ. Nghe D nói vì là bạn bè nên tôi cho D mượn tiền bằng cách đưa tiền cho một người nhưng tôi không biết người này là ai...khi tôi cho D mượn tiền thì tôi không nhớ là mượn bao nhiêu và loại tiền gì vì thời gian đã quá lâu...**Tôi cho D mượn tiền để D trả cho họ nhưng tôi không biết D trả vào mục đích gì.....khi cho D mượn tiền thì tôi nghe D nói mượn tiền để trả cho người khác thì tôi trực tiếp đưa tiền cho người đó qua cửa phòng nên tôi không thấy và không biết người đó là ai... số tiền tôi đưa cho người khác không phải là tiền tôi trả tiền phòng trọ số 01... tôi khẳng định số tiền mà tôi đưa cho người khác tại phòng trọ số 01 là tiền tôi cho Dương mượn để D trả cho người khác”.**

Lời khai này của T2 phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị M1 vào ngày 31/10/2022 (Bút lục 799) thể hiện: “Tôi thu tiền phòng trọ số 01 vào đầu tháng 8/2018 với số tiền 600.000 đồng. **Lúc đó có người trong phòng trọ đưa tiền ra cho tôi qua khe cửa phòng nên tôi không biết đó là ai”.**

[2.5] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/10/2022 (Bút lục 790, 791), **ông Bùi Nguyên L (tên thường gọi là: T1) khai**: “Tôi và Nguyễn Bảo D có quan hệ quen biết khi chúng tôi chấp hành án tại Trại giam K. Vì thời gian đã lâu tôi không nhớ chính xác tôi đến phòng trọ số 01 bao nhiêu lần, tôi chỉ nhớ khoảng 03 đến 04 lần. Ngoài lần đầu tiên tôi gặp H1 ở phòng trọ số 01 thì 03 đến 04 lần sau khi đến phòng trọ số 01 thì tôi không gặp H1. Khi đến phòng trọ số 01 thì tôi có mang 01 chiếc xe mô tô 76G1 – 276.89 đến phòng trọ để nhờ D sửa chữa, vì xe tôi bị hư và xe này bị tạm giữ trong phòng trọ số 01 khi cơ quan Công an bắt D. Ngoài ra, tôi có cho D mượn bộ dụng cụ sửa xe máy, như: cà lê, mỏ lếch, máy khoan, kìm bấm chết và một cái loa nghe nhạc dài khoảng 1,5m”.

Lời khai này của Bùi Nguyên L phù hợp với lời khai của Nguyễn Bảo D tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2020 (Bút lục 508-511) như sau: “Khi cơ quan Công an kiểm tra phòng trọ số 01 thì có tạm giữ của tôi, gồm: 02 xe mô tô (trong đó của cá nhân tôi một chiếc và một chiếc của Luật (Tặc) nhờ tôi sửa dùm); một cái loa màu đen tôi mượn của Luật (Tặc) để đem về phòng trọ số 01 nghe; một bộ dụng cụ sửa xe máy; một ba lô đựng máy tính xách tay, camera; tiền ngân hàng N1 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm ngàn đồng)”.

[2.6] Ngoài ra, lời khai của một số người làm chứng ở gần khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 còn khai biết về Nguyễn Bảo D hay đi xe mô tô màu đỏ đen có tiếng pô xe nổ rất lớn, cụ thể:

[2.6.1] Tại Biên bản ghi lời khai của ngày 05/8/2018 (Bút lục số 118), **bà Nguyễn Thị Đ (người bán nước trước cổng dãy nhà trọ) khai:** “Người thanh niên tôi thấy ra vào và ở phòng trọ thường xuyên. Đặc điểm thanh niên này (sau này tôi mới được biết tên Nguyễn Bảo D nhà ở T) rất hay sửa xe và đi xe nặc bỏ xe làm ồn ào khu phố, thấy kiểu sống hay đi lại ban đêm nên tôi cũng hay để ý”.

Tại Biên bản ghi lời khai của ngày 10/12/2019 (Bút lục số 395), **bà Nguyễn Thị Đ khai:** “Trong quá trình sinh sống thì tôi không biết hai người này (01 nam và 01 nữ) tên gì và ở đâu. Tôi chỉ biết là hai người này tới ở tại phòng trọ nhà bà M1 cũng được khoảng nửa tháng cho đến khi bị cơ quan Công an bắt giữ. Người nam thanh niên này hay đi xe có tiếng pô xe nổ rất to mà tôi không biết là xe gì, tôi chỉ biết đó là xe máy. Sau khi cơ quan công an đến kiểm tra thì tôi có biết người thanh niên này tên D, nhà ở huyện T”.

[2.6.2] Tại Biên bản ghi lời khai của ngày 05/8/2018 (Bút lục 121), **ông Ngô C1 (ở đối diện với phòng trọ số 01) khai:** “Theo tôi được biết 02 đối tượng này mới chỉ thuê phòng trọ nhà bà M1 trong thời gian từ 15 đến 20 ngày. Mới về họ cũng không quan hệ với ai xung quanh, người phụ nữ thỉnh thoảng tôi mới gặp, còn người thanh niên thì ra vào xuất hiện thường xuyên tại khu trọ, là người lớn tuổi hay mất ngủ nên tôi thấy thanh niên này chuyên sử dụng xe máy màu đỏ đen đi lại vào ban đêm, đi xe hay lớn tay ga làm khu phố rất là ồn ào, nên tôi để ý”.

[2.6.3] Tại Biên bản ghi lời khai của ngày 06/8/2018 (Bút lục 124, 125), **ông Nguyễn Mậu T5 (người thuê phòng trọ gần khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1) khai:** “Trong quá trình sinh hoạt tại khu trọ của bà M1, tại phòng số 01 ngoài cùng ngay sát đường đi có một thanh niên tới thuê trọ từ đầu tháng 7/2018. Thanh niên này thường đi xe màu đỏ đen, tiếng pô xe nổ rất to. Tôi thấy người thanh niên hay sửa xe ở trước cửa nhà (người thanh niên này sau khi bị cơ quan công an bắt tôi được biết tên là D nhà ở huyện T)....Tôi chỉ thấy D thường ở phòng trọ số 01 của khu trọ bà Nguyễn Thị M1, thỉnh thoảng tôi thấy một người phụ nữ, ngoài ra tôi không thấy ai tới phòng trọ của D sinh sống cùng D”.

[2.7] Các lời khai của bị cáo Nguyễn Bảo D và một số người liên quan có đến phòng trọ số 01 đều thể hiện bị cáo D là người đã từng sử dụng ma túy, cụ thể:

[2.7.1] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2018 (Bút lục 51, 52) **bị cáo Nguyễn Bảo D khai nhận:** “Tôi sử dụng ma túy tổng hợp thuốc lắc (kẹo) từ đầu năm 2018 cho đến nay. Lần gần đây nhất tôi sử dụng ma túy kẹo là vào ngày 01/8/2018”.

Lời khai này của Nguyễn Bảo D phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Quang T2, tại Biên bản ghi lời khai ngày 24/12/2019 (Bút lục số 397, 398) **anh Nguyễn Quang T2 khai:** “Tôi và Nguyễn Bảo D sử dụng ma túy chung với nhau khoảng được 03 lần, trong đó chúng tôi sử dụng tại phòng trọ của D là 02 lần, trong đó 01 lần là ma túy “đá” có sẵn trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy của anh D, còn lần thứ hai thì tôi góp tiền để anh D đi mua...còn lần thứ ba thì không nhớ rõ vì thời gian đã lâu”.

[2.7.2] Tại bản tự khai ngày 03/8/2018 (Bút lục 86), **bà Dương Kim H khai:** “...Tôi biết D có sử dụng kẹo...”.

[2.8] Đối với lời khai của Nguyễn Bảo D cho rằng, vào tối ngày 02/8/2018 có người thanh niên đi ra khỏi phòng trọ số 01 thì thấy rằng:

Ngoài lời khai của Nguyễn Bảo D thì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh vào tối ngày 02/8/2018 có người thanh niên đi ra khỏi phòng trọ số 01 và lời khai của D cũng không có cơ sở để xác định người thanh niên mà D khai chính là người mang ma túy, tiền hay các đồ vật khác vào để trong phòng trọ số 01.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/5/2020 (Bút lục 518, 519) **ông Nguyễn Xuân T4 khai:** “Khoảng 23 giờ 00 phút (Ngày 02/8/2018) thì tôi đóng cửa phòng vào nằm với bạn gái tôi. Một lúc sau thì tôi nghe tiếng xe xi po về và mở cửa phòng trọ số 01 thì tôi nghĩ đó là anh D, một lúc sau thì tôi nghe trong phòng trọ số 01 có giọng nam và giọng nữ đùa giỡn thì tôi nói đùa với người yêu tôi là “Qua đánh chết mẹ nó đi chứ nó làm phiền không cho ngủ” rồi tôi đi ngủ, đến sáng ngày 03/8/2018 thì chứng kiến Công an bắt giữ tại phòng trọ số 01... Thực tế thì lúc đó tôi và bạn gái đã ở trong phòng trọ và đóng cửa phòng trọ nên không thấy anh D về và cũng không thấy có mặt người trong phòng trọ số 01”.

Cũng tại lời khai ngày 14/5/2020 trên, anh T4 khẳng định sở dĩ ngày 08/4/2019 anh cung cấp bản tự khai có nội dung là thấy có người thanh niên từ phòng số 01 đi ra và một số nội dung khác không đúng sự thật là vì ngày 08/4/2019 bà Nguyễn Thị L2 (là chị ruột của bị cáo D) cùng với Luật sư Trần Anh T có đến nhà của anh T4 tại huyện N, tỉnh Quảng Nam. Tại đây, Luật sư T có hướng dẫn anh T4 viết bản tự khai có nội dung như trên để gửi cho Tòa án. Anh T4 khẳng định nội dung trong bản tự khai là không đúng sự thật mà do Luật sư T hướng dẫn cho T4 viết. Vào ngày 08/5/2019, trước khi vào phòng xử án, mẹ ruột của bị cáo D, vợ chồng bà L2 và Luật sư T mời anh T4 đến quán cà phê gần trụ sở Tòa án để uống cà phê, Luật sư Thảo dặn anh T4 khi ra Tòa phải khai đúng như đã hướng dẫn là “thấy có người thanh niên từ phòng trọ đi ra”. Sau phiên tòa, gia đình bà L2 có đưa cho anh T4 500.000 đồng.

Lời khai của anh Nguyễn Xuân T4 phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Xuân T6 là cha ruột của Nguyễn Xuân T4 tại Biên bản ghi lời khai ngày 14/5/2020 (Bút lục 524) thể hiện, bà L2 và Luật sư T có đến nhà của ông và có hướng dẫn con ông viết 01 tờ giấy nhưng ông không biết viết nội dung gì.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2020 (Bút lục 527, 527), bà Dương Kim H (người yêu của bị cáo D) khai như sau: “Tối ngày 02/8/2018, khi Nguyễn Bảo D chở tôi đến phòng trọ số 01 thì D để xe phía ngoài đường, còn tôi thì ngồi trên xe và bấm điện thoại. Khi D nói tôi vào thì tôi đi bộ vào trong phòng. Khi đi từ ngoài đường vào trong phòng trọ số 01 thì tôi không thấy có người nào trong phòng trọ số 01 đi ra cũng như trong dãy phòng trọ này đi ra. Khi tôi vào phòng trọ số 01 thì tôi không thấy ai trong phòng rồi tôi và Dương ngủ đến sáng, khi cơ quan Công an kiểm tra thì tại phòng trọ số 01 chỉ có tôi và D”.

Trên cơ sở lời khai của những người nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Lời khai của Nguyễn Bảo D cho rằng vào tối ngày 02/8/2018 có người thanh niên đi ra khỏi phòng trọ số 01 là không có cơ sở.

[2.9] Từ nhận định tại các tiêu mục [2.1] đến tiêu mục [2.8], Hội đồng xét xử kết luận:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 7/2018 đến khi bị bắt quả tang (ngày 03/8/2018), bị cáo Nguyễn Bảo D là người đã ở, sử dụng, quản lý và thường xuyên sinh hoạt, ở tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1. Sau khi Võ Tuấn H1 đi Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo D là người có chìa khóa phòng trọ số 1, bị cáo D hay đi xe mô tô màu đỏ đen có tiếng pô nổ rất lớn, hay sửa xe trước phòng trọ nên nhiều người sinh sống gần khu nhà trọ đều biết đặc điểm riêng biệt trong sinh hoạt hằng ngày của bị cáo D. Tại thời điểm bắt quả tang chỉ có bị cáo Nguyễn Bảo D và bạn gái Dương Kim H ở trong phòng trọ số 01, không có căn cứ xác định phòng trọ số 01 có nhiều người ra vào hay ở lại phòng trọ này, vì chỉ có bị cáo D là người có chìa khóa phòng số 01.

Đối với Dương Kim H (bạn gái của D) chỉ thỉnh thoảng đến phòng trọ ở cùng D. Đối với Nguyễn Quang T2 (tên thường gọi là “Cò”), Bùi Nguyên L (tên thường gọi là “Tặc”) chỉ đến phòng trọ số 01 khi D rủ đến chơi và không ở lại cùng với D.

Bên trong phòng trọ số 01 có nhiều tài sản, gồm: Tài sản của bị cáo Nguyễn Bảo D để bảo quản, sử dụng, sinh hoạt trong phòng trọ số 01; bị cáo D có mượn tài sản là loa nghe nhạc, dụng cụ sửa xe mô tô của ông Bùi Nguyên L (tên thường gọi là: Tặc) để sử dụng và có nhận quản lý, sửa chữa giúp cho Luật (tên thường gọi là T1) một chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 76G1 – 27.689; các tài sản này đều do bị cáo D quản lý, sử dụng tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1.

Vào ngày 03/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy – Công an thành phố Q kiểm tra thu giữ nhiều tài sản, đồ vật bên trong phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1, trong đó; kết quả kiểm tra phòng trọ số 01 có tang trữ nhiều loại ma túy. Mặt khác, tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03/8/2018, D và H thống nhất ký vào biên bản, không có ý kiến gì về các chất tinh thể màu trắng (Ma túy) bên trong cái loa và hộp gỗ để tại phòng trọ số 01 không phải của bị cáo D.

Bị cáo D không đưa ra tài liệu, chứng cứ gì đủ cơ sở chứng minh số ma túy trong phòng trọ số 01 là của người nào khác. Như vậy, đủ căn cứ xác định Nguyễn Bảo D là người tiếp tục thuê, quản lý, ở tại phòng trọ số 01 và dùng phòng trọ số 01 để bảo quản tài sản, thường xuyên sinh hoạt trong phòng trọ này và số ma túy, gồm: 52,415 gam Methamphetamine và 3,468 gam Ketamine thu giữ tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 ở tổ A (Nay là tổ F), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là do bị cáo Nguyễn Bảo D quản lý, bảo quản nên bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy này.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Bảo D về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 3 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Do bị cáo không kháng cáo về phần hình phạt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần tội danh, hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về phần xử lý vật chứng:

[4.1] Tại mục 2. Phần quyết định xử lý vật chứng của Bản án hình sự sơ thẩm, tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) loa nhựa màu xám (đã hỏng), kích thước (17 x 18 x 7) cm có đặc điểm theo Biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi là chưa phù hợp với thủ tục tố tụng trong hồ sơ vụ án. Bởi vì; Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q trích xuất vật chứng đối với chiếc loa nêu trên để kiểm tra lại đặc điểm, kích thước. Tại Biên bản làm việc lập ngày 12/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q đã kiểm tra lại vật chứng và xác định chiếc loa có đặc điểm nêu trên, như sau: “*01 (một) chiếc loa nhựa, màu xám (đã hỏng), kích thước (18 x 12 x 7)cm*”. Sau khi kiểm tra lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q đã bàn giao lại vật chứng là chiếc loa nêu trên cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản lập ngày 31/3/2023.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy cần thiết phải kiểm tra lại đặc điểm chiếc loa thu giữ vào ngày 03/8/2018 tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 ở tổ A (Nay là tổ F), phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cùng với đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã trích xuất vật chứng để kiểm tra lại kích thước chiếc loa nhựa màu xám thu giữ vào ngày 03/8/2018 tại hiện trường vụ án. Trên cơ sở kết quả kiểm tra lại đặc điểm chiếc loa thì xác định được chiếc loa nhựa màu xám thu giữ vào ngày 03/8/2018 tại phòng trọ số 01 thuộc khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị M1 có đặc điểm như sau: “*01 (một) loa nhựa, màu xám (đã hỏng), kích thước (18 x 12 x 7)cm*” và đúng là chiếc loa được kết luận theo Kết luận điều tra số 105/CSĐT(MT) ngày 30/6/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q; phù hợp với đặc điểm chiếc loa được mô tả tại Biên bản làm việc lập ngày 12/5/2022 và Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Về vật chứng “01 chiếc loa nhựa, màu xám” theo một số thủ tục tố tụng có sự nhầm lẫn khi ghi kích thước nên có sự khác nhau về kích thước. Tuy nhiên, đặc điểm chiếc loa không thay đổi, không bị hư hỏng, mất mát nên không làm thay đổi bản chất đặc điểm vật chứng trong vụ án. Do đó, người bào chữa cho rằng vụ

án có 02 chiếc loa màu xám và Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Q chưa làm rõ là không có căn cứ.

[4.2] Đối với 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 59P1-557.89 nhãn hiệu Suzuki màu đỏ-đen, số máy F124-140111, số khung PMSRU-120U2YA4011 của Nguyễn Bảo D, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q tách ra để tiếp tục xác minh xử lý sau nhưng chưa tuyên giao lại chiếc xe mô tô nêu trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật là có thiếu sót.

[4.3] Mặc dù, phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng để đảm bảo việc thi hành án về xử lý vật chứng. Căn cứ Điều 345 và điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi về phần xử lý vật chứng, cụ thể:

[4.3.1] Đối với 01 (một) loa nhựa màu xám (đã hỏng), kích thước (17 x 18 x 7) cm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 24 tháng 4 năm 2019 cần quyết định lại như sau: Tịch thu tiêu hủy “*01 (một) loa nhựa, màu xám (đã hỏng), kích thước (18 x 12 x 7)cm*” theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[4.3.2] Giao lại 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 59P1-557.89 nhãn hiệu Suzuki màu đỏ-đen, số máy F124-140111, số khung PMSRU-120U2YA4011 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

[4.3.3] Đối với các vật chứng khác được giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Bảo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng.

[8] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bảo D. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về áp dụng pháp luật, phần tội danh và phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Bảo D.

Áp dụng: điểm h khoản 3 Điều 249; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Bảo D 12 (mười hai) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Tổng hợp hình phạt 06 năm tù về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” đối với bị cáo Nguyễn Bảo D phải chấp hành theo quyết định tại Bản án số 13/2019/HS-PT ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo Nguyễn Bảo D phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2018 và được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/5/2018 đến ngày 22/5/2018.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 106, Điều 345 và điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 100/2024/HS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về phân xử lý vật chứng, như sau:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bảo D: 01 (một) ba lô màu đen, 01 (một) máy tính xách tay hiệu DELL, 01 (một) camera hiệu Alhwa, 01 (một) đầu ghi camera, 02 (hai) đoạn dây điện màu đen, 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bảo D và 01 (một) điện thoại di động N2 màu đen (đã qua sử dụng), tiền Ngân hàng N1 2.200.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm nghìn đồng*).

- Trả lại cho chị Dương Kim H: 01 (một) túi xách màu đen, 01 (một) chứng minh nhân dân số 273458930 mang tên Dương Kim H và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen.

- Trả lại cho anh Nguyễn Quang T2: 01 (một) chứng minh nhân dân số 212640959 mang tên Nguyễn Quang T2.

- Trả lại cho anh Bùi Nguyên L: 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 76G1-276.89, nhãn hiệu Suzuki màu trắng–xanh, số máy E432VN179387, số khung RLSBE49L050179387.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước gồm: 01 (một) tờ tiền ngân hàng N1 mệnh giá 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*) được bỏ trong phong bì có đóng dấu niêm phong của Phòng K1 - Công an tỉnh Q; 01 (một) cân tiểu li bằng kim loại kích thước (12 x 10 x 2) cm; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu xám (đã qua sử dụng) và tiền Ngân hàng N1 4.800.000 đồng (*Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng*).

- Tịch thu tiêu hủy: Khối lượng chất ma túy còn lại sau khi giám định trong 01 (một) phong bì có đóng dấu giáp lai của Phòng K1 - Công an tỉnh Q ghi số 763/PC54 (GD-2018); 01 (một) hộp gỗ có kích thước (30 x 18x 12,5)cm; 01 (một) cây đao bằng kim loại cán dao dài 56cm, lưỡi kim loại dài 50cm, rộng 7cm và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô 59P1-557.89 mang tên Đoàn Văn D2.

- Giao lại 01 (một) xe mô tô mang biển kiểm soát 59P1-557.89 nhãn hiệu Suzuki màu đỏ–đen, số máy F124-140111, số khung PMSRU-120U2YA4011 cho

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q để tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

(Tài sản và vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi và theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 11/4/2019 của Công an thành phố Q nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 của Công an thành phố Q tại Kho bạc nhà nước tỉnh Q).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) loa nhựa màu xám (đã hỏng), kích thước (18 x 12 x 7) cm *(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Q và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi).*

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Bảo D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng).*

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Quang Toại